TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 10-4-2024
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Khanh

2. Ông Võ Văn Thới

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên toà: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLST-DS ngày 22/12/2022 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Sầm Thị C, sinh năm 1949. Địa chỉ cư trú: Ấp H5, xã L2, huyện C1, tỉnh Long An.

2. Bà Sầm Thị L, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Ấp H5, xã L2, huyện C1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Số 15, Đường số X, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/10/2020, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Đình T3 là Luật sư của Văn phòng luật sư N3 chi nhánh C1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị K, sinh năm 1965.

2. Chị Sầm Trần Phương L1, sinh năm 1992.

3. Chị Sầm Trần Phương T, sinh năm 1997.

4. Chị Sầm Trần Phương T2, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H5, xã L2, huyện C1, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan:*

1. Ông Sầm Minh H, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: Số 5308.21.ST – VIT 9N2 BC – Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Số 15, Đường số X, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/9/2020, có mặt).

2. Anh Sầm Văn P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 002, Lô A, Chung cư L3, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2022, lời trình bày tại các biên bản và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Sầm Thị C, bà Sầm Thị L và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trình bày như sau:

Cụ N (chết năm 2018) và cụ N1 (chết năm 2007) có 4 người con chung là Sầm Thị C, Sầm Thị L, Sầm Minh H (Sầm Văn H4) và Sầm Văn H3 (ông H3 chết năm 2015, có vợ là Trần Thị K và 03 người con chung là Sầm Trần Phương L1, Sầm Trần Phương T và Sầm Trần Phương T2 và 01 con riêng của ông H3 là Sầm Văn P). Cụ N, cụ N1 chết không để lại di chúc hay N vụ tài sản nào khác.

Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 268/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Toà án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: thửa đất 228, diện tích đo đạc thực tế 1.646,7m^2, loại đất vườn; thửa đất 229, diện tích đo đạc thực tế 535,6m^2, loại đất thổ; căn nhà với diện tích 87,6m^2 và cây trồng trên thửa 229, cùng tờ bản đồ số 5; thửa đất 2641, diện tích đo đạc thực tế 1.035,3m^2, loại đất lúa; thửa đất 2452, diện tích đo đạc thực tế 4.533,9m^2, loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 2, toạ lạc tại tại xã L2, huyện C1, tỉnh Long An là tài sản chung của cụ Sầm Văn N và cụ Nguyễn Thị N1. Bản án phúc thẩm còn tuyên buộc những người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của cụ N gồm bà C, bà L, ông H hoàn trả 15.000.000 đồng cho bà K, chị L1, chị T, chị T2 vì do trong quá trình sử dụng bà K có tu bổ trên căn nhà của cụ N như nhà (3), nhà bếp (4). Số tiền này bà L đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Do các anh em trong gia đình không thỏa thuận được việc chia các tài sản này. Nay bà C và bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản thừa kế của cụ Sầm Văn N và cụ Nguyễn Thị N1 gồm: Thửa đất số 228, thửa đất 229, công trình xây dựng trên đất gồm căn nhà ký hiệu số (2) diện tích 87,6m^2, nhà vệ sinh (5) diện tích 4m^2, hàng rào, trụ cổng, hồ nước và các cây trồng trên thửa 229; thửa đất 2641, thửa đất 2452 theo quy định của pháp luật thành 4 kỷ phần bằng nhau cho 4 đồng thừa kế là bà Sầm Thị C, bà Sầm Thị L, ông Sầm Minh H và ông Sầm Văn H3 (do bà Trần Thị K, chị Sầm Trần Phương L1, chị

Sầm Trần Phương T, chị Sầm Trần Phương T2 và anh Sầm Văn P thừa kế). Bà C và bà L yêu cầu được phân chia bằng hiện vật đối với thửa 228, 229, 2452; bà C và bà L sẽ hoàn trả giá trị chênh lệch cho các thừa kế còn lại. Chia cho bà Trần Thị K, chị Sầm Trần Phương L1, chị Sầm Trần Phương T, chị Sầm Trần Phương T2 và anh Sầm Văn P được nhận quyền sử dụng đất thửa 2641.

Bị đơn bà Trần Thị K, chị Sầm Trần Phương L1, chị Sầm Trần Phương T, chị Sầm Trần Phương T2 và người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị Ân trình bày:

Bị đơn thống nhất về hàng thừa kế của cụ N, cụ N1 như nguyên đơn trình bày. Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 268/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định thửa đất số 228, thửa đất 229, căn nhà ký hiệu số (2) diện tích 87,6m^2 và cây trồng trên thửa 229; thửa đất 2641, thửa đất 2452 là tài sản chung của cụ N và cụ N1 chết để lại. Hiện trạng thực tế thửa 2452 và 2641 là do bị đơn quản lý sử dụng (trồng lúa), còn thửa 228, 229 và 02 căn nhà trên đất không phải do bà C và bà L quản lý mà hiện tại đang bỏ hoang.

Nay bà C, bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật thì bị đơn đồng ý nhưng phải gộp các thửa đất khác cũng là tài sản chung của cụ N và cụ N1 chết để lại và chia đều. Cụ thể các thửa khác gộp lại gồm:

- Các thửa 2454, 2639, 2644, 2643 cùng tờ bản đồ số 2; các thửa 225, 394, 397, cùng tờ bản đồ số 5 do ông Hồ Văn L4 (chồng của bà Sầm Thị C) được UBND huyện Cần Giuộc cấp giấy CNQSDĐ năm 1997.

- Các thửa 2039, 2644, 2640 và 2638, cùng tờ bản đồ số 2, do ông Huỳnh Văn T4 (chồng bà Sầm Thị L) được UBND huyện Cần Giuộc cấp giấy CNQSDĐ năm 1997.

- Các thửa 3485 (được tách từ thửa 2641), 2451, cùng tờ bản đồ số 2;

- Các thửa 3520 và 3521, cùng tờ bản đồ số 2 do ông Sâm Văn N đứng tên trên GCN QSDĐ vào năm 2008.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sầm Minh H do bà Nguyễn Thị Mỹ H2 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông H thống nhất về hàng thừa kế, di sản của cụ N, cụ N1 như nguyên đơn trình bày và có đơn yêu cầu độc lập: Yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 228, thửa đất 229, thửa đất 2641, thửa đất 2452; căn nhà ký hiệu số (2) diện tích 87,6m^2, hồ nước, nhà vệ sinh, hàng rào, trụ cổng và cây trồng trên thửa 229 theo quy định của pháp luật thành 04 kỷ phần bằng nhau. Ông H yêu cầu nhận di sản là quyền sử dụng đất trong đó ưu tiên nhận phần đất có căn nhà số 01 của ông H theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 05/01/2018. Tất cả các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông H được chia thì ông H giao lại cho bà Sầm Thị L nhận đứng tên và quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sầm Văn P trình bày :

Thửa đất số 228, thửa đất 229, tờ bản đồ số 5; thửa đất 2641, thửa đất 2452, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Ấp H5, xã L2, huyện C1 tỉnh Long An và tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của cha anh là ông Sầm Văn H3 đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Bản án dân sự phúc thẩm số 268/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử không đúng nên anh P không đồng ý.

Nay bà Sầm Thị C, bà Sầm Thị L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với bốn thửa đất 228, 229, 2641, 2452 cùng tài sản trên đất thì anh P không đồng ý vì đất là của ông H3 và chỉ có những người thừa kế của ông H3 mới có quyền thỏa T2 hoặc yêu cầu chia thừa kế. Trong vụ án này, anh P không yêu cầu chia thừa kế các tài sản trên theo đơn khởi kiện của bà C, bà L và không đồng ý toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của bà C và bà L.

Tại phiên tòa,

Luật sư Vũ Đình T3 và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 bảo vệ quyền, nghĩa vụ và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định số tiền 15.000.000 đồng chi phí bà K tu bổ vào nhà (3), nhà bếp (4) mà bản án P thẩm đã đề cập đã được bà L nộp để thi hành án và không yêu cầu định giá đối với nhà (3) và nhà bếp (4) vì đây không phải là di sản. Bà C và ông H đồng ý giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mà các ông bà được hưởng cho bà L quản lý và không yêu cầu bà L trả lại giá trị kỷ phần cho các ông bà. Anh Sầm Văn P xác định các tài sản đang tranh chấp là tài sản của cha anh nên yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, bà L, ông H. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các đương sự thống nhất theo các Mảnh trích đo địa chính số 23-2018 và 22-2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 05/01/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Đước duyệt ngày 15/01/2018 và Mảnh trích đo địa chính số 24-2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 11/01/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Đước duyệt ngày 21/01/2018; Chứng thư thẩm định giá số 4.2024.VT.HS ngày 03/01/2024 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Việt Tín.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với các thửa đất 228, 229, 2461, 2452 và công trình xây dựng, cây cối trên thửa đất 228, 229 đã được Bản án dân sự phúc thẩm số 268/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định là tài sản chung của ông Sầm Văn N và bà Nguyễn Thị N1 nên xác định đây là di sản thừa kế. Các đương sự thống nhất với nhau về thời điểm

mở thừa kế và hàng thừa kế của cụ N1 và cụ N nên yêu cầu phân chia thừa kế của bà C, bà L, ông H là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sầm Thị C, bà Sầm Thị L và người có quyền lợi, N vụ liên quan ông Sầm Minh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Sầm Thị C, bà Sầm Thị L khởi kiện yêu cầu các bị đơn bà Trần Thị K, chị Sầm Trần Phương L1, chị Sầm Trần Phương T, chị Sầm Trần Phương T2, anh Sầm Văn P phân chia di sản thừa kế. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp *"phân chia di sản thừa kế"*. Căn cứ Điều 26, 37, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về phạm vi khởi kiện: Các bị đơn bà Trần Thị K, chị Sầm Trần Phương L1, chị Sầm Trần Phương T, chị Sầm Trần Phương T2 có đơn phản tố ngày 04/5/2023 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng cho, hợp đồng chuyển nhượng, văn bản phân chia thừa kế đối với các thửa đất 2454, 2639, 2644, 2643 cùng tờ bản đồ số 2; các thửa 225, 394, 397, cùng tờ bản đồ số 5 do ông Hồ Văn L4 là chồng của bà Sầm Thị C được UBND huyện Cần Giuộc cấp giấy CNQSDĐ năm 1997; Các thửa 2039, 2644, 2640 và 2638, cùng tờ bản đồ số 2, do ông Huỳnh Văn T4 là chồng bà Sầm Thị L được UBND huyện Cần Giuộc cấp giấy CNQSDĐ năm 1997; Các thửa 3485 (được tách từ thửa 2641), 2451, 3520 và 3521, cùng tờ bản đồ số 2 do ông Sầm Văn N đứng tên trên GCN QSDĐ vào năm 2008. Tuy nhiên, các bị đơn đã được yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn và cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nhưng không thực hiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã trả lại đơn phản tố của bị đơn. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ đơn khởi kiện của bà C, bà L và yêu cầu độc lập của ông H để giải quyết vụ án, các vấn đề ngoài phạm vi khởi kiện sẽ không được xem xét.

Về việc giải quyết vụ án:

[3] Bà C, bà L, ông H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Sầm Văn N và cụ Nguyễn Thị N1 gồm thửa đất 228, diện tích đo đạc thực tế 1.646,7m^2, loại đất vườn; thửa đất 229, diện tích đo đạc thực tế 535,6m^2, loại đất thổ, cùng tờ bản đồ số 5; công trình xây dựng gồm căn nhà ký hiệu số (2) diện tích 87,6m^2, nhà vệ sinh (5), hồ nước, hàng rào, trụ cổng trên thửa 228, 229 và cây trồng của cụ N; thửa đất 2641, diện tích đo đạc thực tế 1.035,3m^2, loại đất lúa; thửa đất 2452, diện tích đo đạc thực tế 4.533,9m^2, loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 2; tọa lạc tại xã L2, huyện C1, tỉnh Long An. Thấy rằng, Bản án dân sự phúc thẩm số 268/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định các tài sản trên là tài sản chung của ông Sầm Văn N và bà Nguyễn Thị N1, bản án này đã có hiệu lực pháp luật; các bị đơn bà Trần Thị K, chị Sầm Trần Phương L1, chị Sầm Trần Phương T, chị Sầm Trần Phương T2 thống nhất xác định các tài sản này là tài sản chung của cụ N và cụ N1. Anh P cho rằng các tài sản trên là của ông Sầm Văn H3 nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không

cơ sở chấp nhận. Có cơ sở xác định đây là di sản thừa kế của cụ Sầm Văn N và cụ Nguyễn Thị N1.

[4] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2023 và các Mảnh trích đo địa chính thì hiện trạng trên thửa đất 228 và 229 có công trình xây dựng là nhà ký hiệu (1) diện tích 83,4m^2, nhà (2) diện tích 87,6m^2, nhà (3) diện tích 20,1m^2, nhà bếp (4) diện tích 7,9m^2, nhà vệ sinh (5) diện tích 4m^2, hàng rào, trụ cổng, hồ nước và các cây trồng trên đất; hiện trạng trên thửa đất 2452, 2641 là đất trống. Các đương sự thống nhất nhà (1) do ông Sầm Minh H xây dựng, nhà (3), nhà bếp (4) do bà K tu bổ, xây dựng và đã được Bản án phúc thẩm số 268/2020/DS-PT ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết và đã được bà L nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự nên không phải là di sản thừa kế.

[5] Giá trị di sản thừa kế theo Chứng thư thẩm định giá như sau:

- Thửa 228 có giá trị 742.661.700 đồng,

- Thửa 229 có giá trị 384.025.200 đồng

- Thửa 2452 có giá trị 1.591.398.900 đồng.

- Thửa 2641 có giá trị 371.6672.700 đồng.

- Các công trình xây dựng trên đất có nhà (1), nhà (2), nhà vệ sinh (5), hàng rào, trụ cổng và hồ nước có tổng giá trị là 557.816.464 đồng trừ đi giá trị nhà (1) do ông H xây dựng 287.793.192 đồng nên giá trị công trình trên đất của cụ N còn lại là 270.023.272 đồng;

- Giá trị cây trồng trên đất là 17.920.000 đồng.

Tổng cộng là 3.377.701.772 đồng.

[6] Về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế: Cụ N1 (chết năm 2007), Cụ N (chết năm 2018), cụ N và cụ N1 có 04 người con chung là Sầm Thị C, Sầm Thị L, Sầm Minh H (Sầm Văn Hiền) và Sầm Văn H3 (ông H3 chết năm 2015, có vợ là Trần Thị K và 03 người con chung là Sầm Trần Phương L1, Sầm Trần Phương T và Sầm Trần Phương T2 và 01 con riêng của ông H3 là Sầm Văn P). Do ông H3 chết sau cụ N1 và chết trước cụ N nên hàng thừa kế của cụ N1 gồm 5 người là cụ N và 4 người con, người thừa kế chuyển tiếp là vợ và con của ông H3, hàng thừa kế của cụ N gồm 4 người con, trong đó ông H3 chết trước nên người thừa kế thế vị là 4 người con của ông H3.

[7] Phần di sản của cụ N1 là ½ di sản được chia cho 5 phần là cụ N và 4 người con bà C, bà L, ông H, ông H3 mỗi người được hưởng là: (3.377.701.772 đồng : 2) : 5 = 337.770.177 đồng. Do ông H3 chết nên những người thừa kế chuyển tiếp của ông H3 gồm bà K, chị L1, chị T, chị T2, anh P mỗi người được hưởng 1/5 kỷ phần của ông H3 là 67.554.035 đồng.

[8] Phần di sản của cụ N là (3.377.701.772 đồng : 2) + 337.770.177 đồng = 2.026.621.063 đồng được chia cho 4 phần bà C, bà L, ông H và những người thừa kế thế vị của ông H3, mỗi kỷ phần được hưởng là 506.655.265 đồng. Chị L1,

chị T, chị T2, anh P mỗi người được hưởng ¼ kỷ phần của ông H3 là = 126.663.816 đồng.

[9] Như vậy, kỷ phần mà bà C, bà L, ông H mỗi người được hưởng từ việc phân chia thừa kế của cụ N1 và cụ N là 337.770.177 đồng + 506.655.265 đồng = 844.425.442 đồng; bà K được hưởng là 67.554.035 đồng; chị L1, chị T, chị T2, anh P mỗi người được hưởng là 67.554.035 đồng + 126.663.816 đồng = 194.217.851 đồng.

[10] Hiện nay bà L đang quản lý thửa đất 228 và 229, bà K đang quản lý thửa 2452 và 2641. Bà C và ông H đồng ý giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mà các ông bà được hưởng cho bà L quản lý và không yêu cầu bà L trả lại giá trị kỷ phần cho các ông bà. Dựa trên nhu cầu sử dụng và giá trị kỷ phần mỗi bên được hưởng thì phân chia như sau: Chia cho bà L được quyền quản lý, sử dụng đối với di sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa 228, 229 và 3.533,9m^2 (khu B) thuộc một phần thửa 2452. Chia cho bà K được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa 2461 và 1.000m^2 (khu A) thuộc một phần thửa 2452.

[11] Di sản bà K được chia gồm thửa 2641 có giá trị 371.672.700 đồng + 1.000m^2 (khu A) thuộc một phần thửa 2452 có giá 351.000.000 đồng, tổng cộng 722.672.700 đồng. Khấu trừ kỷ phần thừa kế bà K được chia là 67.554.035 đồng phần chênh lệch 655.118.665 đồng là một phần kỷ phần thừa kế của chị L1, chị T, chị T2, anh P được hưởng nhưng không yêu cầu phân chia trong vụ án này nên tiếp tục tạm giao cho bà K quản lý.

[12] Di sản bà L được chia gồm thửa 228 có giá trị 742.661.700 đồng, thửa 229 có giá trị 384.025.200 đồng, một phần thửa 2452 (khu B) là 1.240.398.900 đồng, giá trị toàn bộ công trình xây dựng là 270.023.272 đồng, cây trồng 17.920.000 đồng, tổng giá trị là 2.655.029.072 đồng. Khấu trừ kỷ phần bà L được hưởng là 844.425.442 đồng thì phần chênh lệch 1.810.603.630 đồng, trong đó kỷ phần của bà C và ông H mỗi người 844.425.442 đồng nhưng bà C và ông H không yêu cầu bà L hoàn trả nên không xem xét, còn lại 121.752.746 đồng là một phần kỷ phần thừa kế của chị L1, chị T, chị T2, anh P được hưởng nhưng không yêu cầu phân chia trong vụ án này nên tiếp tục tạm giao cho bà L quản lý.

[13] Căn nhà số (1) của ông H trên thửa số 228 và 229 nhưng ông H và bà L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét và tạm giao cho bà L quản lý, nếu sau này ông H và bà L có tranh chấp về giá trị căn nhà thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[14] Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 25.700.000 đồng, bà L phải chịu ¾ chi phí là 19.275.000 đồng, bà K phải chịu ¼ chi phí là 6.425.000 đồng. Do bà L đã tạm ứng toàn bộ chi phí nên bà K có nghĩa vụ nộp để hoàn trả cho bà L số tiền 6.425.000 đồng.

[15] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 12, Điều 14, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà C, bà L, ông H

được miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi có đơn xin miễn án phí. Bà K phải chịu án phí trên kỷ phần được hưởng 67.554.035 đồng là 3.377.701 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 165, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 620, 649, 650, 651, 652, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12, 14, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sầm Thị C, bà Sầm Thị L, người có quyền lợi, N vụ liên quan ông Sầm Minh H đối với bị đơn bà Trần Thị K, chị Sầm Trần Phương L1, chị Sầm Trần Phương T, chị Sầm Trần Phương T2 về tranh chấp phân chia thừa kế.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Sầm Văn N và cụ Nguyễn Thị N1 là thửa đất 228, diện tích đo đạc thực tế 1.646,7m^2, loại đất vườn; thửa đất 229, diện tích đo đạc thực tế 535,6m^2, loại đất thổ, cùng tờ bản đồ số 5; công trình xây dựng gồm căn nhà ký hiệu số (2) diện tích 87,6m^2, nhà vệ sinh (5) diện tích 4m^2, hồ nước, hàng rào, trụ cổng và cây trồng trên thửa 228, 229; thửa đất 2641, diện tích đo đạc thực tế 1.035,3m^2, loại đất lúa; thửa đất 2452, diện tích đo đạc thực tế 4.533,9m^2, loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 2; tọa lạc tại xã L2, huyện C1, tỉnh Long An.

3. Chia cho bà Sầm Thị L được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đo đạc thực tế 3.533,9m^2 (khu B) thuộc một phần thửa đất 2452, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa; thửa đất 228, tờ bản đồ số 5, diện tích đo đạc thực tế 1.646,7m^2, loại đất vườn; thửa đất 229, tờ bản đồ số 5, diện tích đo đạc thực tế 535,6m^2, loại đất thổ; gồm căn nhà ký hiệu số (2) diện tích 87,6m^2, nhà vệ sinh (5) diện tích 4m^2, hồ nước, hàng rào, trụ cổng và cây trồng trên thửa 228, 229; tọa lạc tại xã L2, huyện C1, tỉnh Long An.

4. Tạm giao cho bà Sầm Thị L quản lý số tiền số tiền 121.752.746 đồng là một phần kỷ phần thừa kế của chị L1, chị T, chị T2, anh P được hưởng.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Sầm Minh H về việc không yêu cầu giải quyết đối với căn nhà số 1 toạ lạc trên một phần thửa 229, tờ bản đồ số 2, tại xã L2, huyện C1, tỉnh Long An.

6. Chia cho bà Trần Thị K được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 2641, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.035,3m^2, loại đất lúa và 1.000m^2 (khu A) thuộc một phần thửa đất 2452, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa; tọa lạc tại xã L2, huyện C1, tỉnh Long An.

7. Tạm giao cho bà Trần Thị K quản lý số tiền 655.118.665 đồng là một phần kỷ phần thừa kế của chị L1, chị T, chị T2, anh P được hưởng.

(Vị trí, tứ cận, tờ bản đồ, diện tích, loại đất, tài sản nêu trên theo các Mảnh trích đo địa chính số 23-2018 và 22-2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 05/01/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Đước duyệt ngày 15/01/2018 và Mảnh trích đo địa chính số 24-2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 11/01/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Đước duyệt ngày 21/01/2018 và bản vẽ phân khu ngày 09/4/2024 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú thực hiện).

8. Bà Sầm Thị L và bà Trần Thị K được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với di sản thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

9. Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

10. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 25.700.000 đồng, bà L phải chịu 19.275.000 đồng, bà K phải chịu 6.425.000 đồng. Do bà L đã tạm ứng toàn bộ chi phí nên bà K có nghĩa vụ nộp để hoàn trả cho bà L số tiền 6.425.000 đồng.

11. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

12. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Sầm Thị C, bà Sầm Thị L, ông Sầm Minh H được miễn án phí.

- Bà Trần Thị K phải chịu 3.377.701 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

12. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

13. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Tấn Quốc